

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST

Ngày 04 - 01 - 2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐOÀI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Hải Dương

2. Bà Nguyễn Hải Âu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Cẩm – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2014/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2014, về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 352/2017/QĐXX- ST ngày 22 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Huỳnh Hồng Đ, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Đượm: Ông Trần Bình T - Luật sư của văn phòng luật sư Trần Bình T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 2AB, đường LTT, phường C, thành phố CM, tỉnh Cà Mau

-Bị đơn: Anh Nguyễn Chí D, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TT, xã TTùng, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau

Tạm trú: Ấp NN, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Nguyễn Ngọc D (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TK, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

+ Anh Nguyễn Chí N, sinh năm 1967 (vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Chí G (vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Chí D (vắng mặt)

+ Chị Trần Thị P (vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Minh L (vắng mặt)
 Cùng địa chỉ: Ấp NN, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau
 + Chị Nguyễn Ngọc B (vắng mặt)
 Địa chỉ: Ấp TT, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau
 + Chị Nguyễn Ngọc P (vắng mặt)
 Địa chỉ: Ấp TANA, xã TAKN, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau
 + Chị Trương Kiều T (vắng mặt)
 Địa chỉ: Ấp TT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau
 + Ông Huỳnh Thiện C (đã chết) và bà Lê Thị S (vắng mặt)
 Địa chỉ: Ấp PHA, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau
 Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tổ tụng của ông Chí gồm có:
 + Bà Lê Thị S (vắng mặt)
 + Chị Huỳnh Hồng Đ (có mặt)
 + Anh Huỳnh Quốc T (vắng mặt)
 + Anh Huỳnh Quốc T1 (vắng mặt)
 + Anh Huỳnh Quốc Đ (vắng mặt)
 Cùng địa chỉ: Ấp PHA, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau
 + Chị Huỳnh Hồng T, sinh năm 1968 (vắng mặt)
 Địa chỉ: Khu Vực A, khóm B, thị trấn NC, huyện NC, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Huỳnh Hồng Đ trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Chị Huỳnh Hồng Đ và anh Nguyễn Chí D chung sống với nhau vào ngày 19/11/1996, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống đến năm 2004 chị phát hiện anh D có một người con riêng trước khi về chung sống với chị Đ. Anh D yêu cầu chị Đ phải cho anh D nhận con riêng, chị Đ không đồng ý nên xảy ra mâu thuẫn kéo dài. Ngoài ra trong quá trình chung sống anh D có nhiều lần đánh chị. Vào năm 2012 chị và anh D sống ly thân nhau cho đến nay. Nay chị Đ xác định không còn tình cảm và yêu cầu được ly hôn anh D.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống có hai người con chung tên Nguyễn Kiều T, sinh ngày 15/11/1996 và Nguyễn Huỳnh T, sinh ngày 03/5/2004. Khi ly hôn Kiều T nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với Huỳnh T chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung:* Chị và anh D có các tài sản chung như sau: 01 căn nhà và 01 cây nước tại ấp NN, xã TP, huyện ĐD, 01 nhà kê tọa lạc tại ấp TT, xã TT, huyện ĐD, 01 tivi hiệu Sam, 03 giường ngủ (01 cái bằng cây tràm, 02 cái làm bằng cây đước), 01 tủ lạnh đã bị hư vào năm 2016, 01 võ Composite, 01 mô tơ nước nay đã bị hư, 01 tủ áo, 01 tủ phê, 01 tủ đựng lò gas, 01 bếp gas, 01 bình gas đã bị hư. Hiện nay trong các tài sản này một số đã hỏng, một số đã bán đồng thời anh D không có công sức tạo lập và xây dựng nên nên chị không yêu cầu Tòa án phân chia.

Về tài sản riêng: 10 chỉ vàng 24k được mẹ ruột chị Đ cho trong ngày cưới. Quá trình chung sống anh D đã mượn để trị bệnh cho mẹ chồng. Trước đây chị có yêu cầu anh D trả lại cho chị nhưng nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh D trả lại cho chị.

- *Về nợ người khác*: Nợ bà Lê Thị S và ông Huỳnh Thiện C 25 chỉ vàng 24k, anh Huỳnh Quốc T1 05 chỉ vàng 24k, 49 tấm tol, 03 cây xiêng, 03 cây xanh, 06 cây kèo, 350 cục gạch tàu, chị Trương Cẩm T 5.000.000 đồng.

Khi ly hôn tất cả các khoản nợ nêu trên chị Đ đồng ý mỗi người có trách nhiệm trả ½.

Ngoài ra chị và anh D có nợ chị Nguyễn Ngọc D 85 chỉ vàng 24k mượn để chi sinh hoạt trong gia đình nhưng chị và anh D đã sang phần đất khoảng 6 công mà trước đó ông T là cha chồng đã cho để trừ nợ cho chị D. Cụ thể diện tích đất 6 công giá chỉ có 60 chỉ vàng 24k nên chị D giao thêm cho vợ chồng chị 20 chỉ vàng 24k, phần còn lại 5 chỉ vàng 24k vợ chồng chị và chị D thống nhất cho lại em chồng là Nguyễn Chí D để cưới vợ. Do là chị em trong nhà nên chị, anh D và chị D chỉ viết giấy tay và giấy tay đó hiện nay chị D quản lý. Nay chị xác định đã sang phần đất 6 công là tài sản chung của chị và anh D cho chị D để trừ nợ nên chị không đồng ý trả lại cho chị D 85 chỉ vàng 24k theo yêu cầu của chị D.

- *Về người khác nợ lại vợ chồng*: Chị Đ xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn anh Nguyễn Chí D trình bày*:

- *Về hôn nhân*: Anh D và chị Đ chung sống vào năm 1995, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mẫu thuẫn như chị Đ trình bày là đúng. Chị Đ xin ly hôn anh không đồng ý, tuy nhiên anh và chị Đ đã sống ly thân nhau vào năm 2014 cho đến nay do đó anh xác định hiện nay không còn tình cảm và đồng ý ly hôn chị Đ.

- *Về con chung*: Có hai người con chung như chị Đ trình bày. Khi ly hôn Kiều T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh D yêu cầu được nuôi Huỳnh T và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: 01 nhà bằng cây gỗ địa phương xây dựng vào năm 2012 trên phần đất do anh và chị Đ góp vàng cùng với bà S sang lại của ông C diện tích sang 09 công tầm nhỏ tọa lạc tại ấp TTùng, xã TT, huyện ĐD. Trong đó vàng của anh và chị Đ góp để sang là 05 công, mỗi công giá 15 chỉ vàng 24k, 04 công còn lại do bà S góp vàng để sang. Khi sang nhượng hai bên chỉ làm giấy tay đồng thời khi anh và chị Đ đi làm đã giao giấy tay này lại cho anh T1 quản lý giữ. Anh D yêu cầu chia đôi giá trị căn nhà, riêng phần đất anh không yêu cầu Tòa án phân chia. 01 ti vi hiệu Sam 21 inch, 01 tủ lạnh không nhớ hiệu gì mua vào năm 2013, 03 giường ngủ bằng cây tràm biển, 01 võ composit hiệu Chí Cường dài 5,9m, 01 bếp gas và 01 bình gas tất cả các tài sản này hiện nay không xác định được giá trị còn bao nhiêu. Khi ly hôn anh D yêu cầu phân chia mỗi người được hưởng ½. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án anh D và chị Đ thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh D xác định anh và chị Đ có các tài sản chung khác như: 01 mô tô nước anh D đã đập bỏ, 03 cái tủ cây quá trình chung sống đã bán để đóng hụi, 01 cây nước và 01 căn nhà ở ấp NN, xã TP, huyện ĐD hiện nay đã hư và đã bán nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia.

- Về tài sản riêng: Anh D trình bày khi tổ chức đám cưới bà S không có cho chị Đ 10 chỉ vàng 24k nên không có việc anh mượn 10 chỉ vàng 24k của chị Đ. Anh không đồng ý theo yêu cầu của chị Đ. Tuy nhiên, hiện nay chị Đ không yêu cầu anh trả lại 10 chỉ vàng 24k anh cũng không có ý kiến gì.

- Về nợ người khác: Nợ bà Lê Thị S và ông Huỳnh Thiện C chỉ có 14 chỉ vàng 24k không phải 25 chỉ vàng 24k như chị Đ trình bày. Nợ anh Huỳnh Quốc T1 05 chỉ vàng 24k, riêng 49 tấm tol, 03 cây xiêng, 03 cây xanh, 06 cây kèo, 350 cục gạch tàu là khi anh và chị Đ cất nhà anh T1 mua cho vợ chồng anh. Nợ chị Nguyễn Ngọc D 85 chỉ vàng 24k, nợ mượn nhiều lần, không làm biên nhận. Trước đây mẹ anh qua đời có để lại phần đất khoảng 6 công, khi đó ông T bị bệnh không canh tác được nên anh em trong gia đình họp và thống nhất tạm giao cho anh và chị Đ quản lý sử dụng để nuôi cha là ông T. Vào năm 2011 anh và chị Đ đi làm xa nên để lại phần đất này cho anh N quản lý sử dụng và đã được cấp quyền sử dụng đất do anh N đứng tên.

Khi ly hôn tất cả các khoản nợ nêu trên anh D đồng ý mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$.

Phần nợ của chị Trương Kiều T 5.000.000 đồng theo chị Đ trình bày anh không biết nên không đồng ý theo yêu cầu của chị Đ.

- Về người khác nợ lại: Anh D xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Chí N trình bày: Tại đơn giải trình ngày 24/8/2014 anh N trình bày: Vào năm 1999 cha mẹ anh qua đời có để lại căn nhà và một số tài sản trong đó có diện tích đất khoảng 16000m² tọa lạc tại ấp NN, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau không để lại di chúc. Thời gian đó anh em trong gia đình thống nhất cất diện tích đất khoảng 6 công trong diện tích đất nêu trên cho vợ chồng Đ, D về ở để thờ cúng cha mẹ và nuôi các em. Năm 2007 Nguyễn Chí D là em của anh và D cưới vợ thì anh em có góp tiền để cưới vợ cho em nhưng vợ chồng Đ D không góp tiền cưới vợ cho em. Năm 2009 Đ, D cố diện tích đất 6 công này cho Nguyễn Ngọc D, anh có ngăn cản nhưng vợ chồng Đ D vẫn quyết tâm cố và bỏ đi nơi khác làm ăn không thờ cúng cha mẹ. D hứa đi làm thời gian sau về chuộc đất trả cho anh vì anh là người đứng tên thừa kế diện tích đất nêu trên. Anh N yêu cầu vợ chồng Đ D phải chuộc lại phần đất trả lại cho anh để phân chia cho các anh em, phần còn lại để thờ cúng cha mẹ.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án anh N trình bày: Trước đây do mẹ anh mất khi đó cha anh là ông T bị bệnh nên anh em mới họp và thống nhất giao cho chị Đ và anh D phần đất 6 công tọa lạc tại ấp NN, xã TP, huyện ĐD để nuôi ông T. Đến năm 2011 chị Đ và anh D bỏ đi thì anh mới lấy lại quản lý và sử dụng đến nay. Diện tích đất ông T để lại là 16.000m², sau đó có phân chia cho anh D 5.000m², phần

còn lại anh được cấp quyền sử dụng là 11.000m², anh xác định từ trước đến nay ông T không có tặng cho quyền sử dụng đất cho chị Đ và anh D. Anh N xác định hiện nay anh là người đứng tên quyền sử dụng và đang quản lý đất nên anh N rút lại yêu cầu vợ chồng Đ D chuộc lại phần đất trả lại cho anh. Ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

- *Chị Nguyễn Ngọc D trình bày:* Vào ngày 25/4/2004 chị có cho anh D và chị Đ mượn 85 chỉ vàng 24k để cải tạo hầm tôm công nghiệp. Từ khi mượn đến nay anh D và chị Đ không trả cho chị mặc dù chị có đòi nhiều lần. Chị D xác định không có việc chị Đ anh D sang đất để trừ nợ cho chị. Trước đây chị yêu cầu anh D và chị Đ có trách nhiệm trả cho chị 85 chỉ vàng 24k. Tuy nhiên, nay chị không yêu cầu chị Đ, anh D trả cho chị 85 chỉ vàng 24k, trường hợp Đ D không trả chị sẽ yêu cầu bằng vụ án khác.

- *Chị Trương Cẩm T trình bày:* Trước đây chị Đ, anh D có nợ chị 5.000.000 đồng nhưng chị Đ có trả cho chị xong nên không yêu cầu trong vụ án này. Chị T xin từ chối tham gia giải quyết vụ án đề nghị tòa án xét xử vắng mặt chị.

- *Anh Huỳnh Quốc T1 trình bày:* Trước đây anh có làm đơn yêu cầu vợ chồng chị Đ, anh D trả lại cho anh 05 chỉ vàng 24k, 49 tấm tol, 350 cục gạch tàu, 04 cây xanh, 06 cây kèo, 05 cánh cửa nhưng nay anh không khởi kiện trong vụ án ly hôn giữa chị Đ và anh D. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp anh sẽ khởi kiện trong vụ án khác. Đối với phần nợ của ông C và bà S anh T1 trình bày: Vợ chồng Đ, D có nợ bà Sánh 25 chỉ vàng 24k anh cũng xin từ chối tham gia khi có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án khác và đồng ý để Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

- *Bà Lê Thị S trình bày:* Trước đây vào thời gian nào bà không nhớ chính xác anh D là người trực tiếp mượn 25 chỉ vàng 24k của bà (mượn 3 lần). Vào ngày 02/8/2017 bà có nhận thông báo của Tòa án và nhận thay cho các con của bà. Sau khi nhận thông báo này bà và các con của bà có bàn bạc với nhau và thống nhất đối với số nợ 25 chỉ vàng 24k chị Đ và anh D mượn của vợ chồng bà không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau này chị Đ và anh D không trả thì bà và các con sẽ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết sau. Do nay bà đã lớn tuổi bị bệnh không còn liên quan đến vụ án và không thể tham gia vụ án được nên bà xin từ chối tham gia tố tụng, đồng ý để Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

- *Chị Nguyễn Ngọc B trình bày:* Trước đây khi cha chị bệnh có hợp thân tộc và anh em để bàn bạc về việc ai sẽ về ở với ông bà. Anh D và chị Đ đã tự đồng ý về ở và chăm sóc ông bà, lúc đó cha chị không có nói gì đến cho 5-6 công đất cho anh D và chị Đ. Chị có biết việc chị Đ và anh D có nợ vàng của chị D nhưng cụ thể bao nhiêu thì chị không biết và cũng không biết có sang đất cho chị D để trừ nợ hay không, chị chỉ biết sự việc như vậy. Do không có điều kiện tham gia tố tụng tại tòa chị có đơn từ chối tham gia tố tụng.

- *Chị Huỳnh Hồng T, anh Huỳnh Quốc T, anh Huỳnh Quốc Đ trình bày:* Vợ chồng chị Huỳnh Hồng Đ và anh Nguyễn Chí D có thiếu bà S 25 chỉ vàng 24k và xin từ chối tham gia vụ án về sau sẽ mở vụ án khác.

- Đối với chị P, anh G, anh D, chị P1, anh Luân Tòa án có tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự hợp lệ nhưng không có ý kiến trong vụ án.

* Đại diện viện kiểm sát phát biểu:

- Về trình tự thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5, Điều 227, Điều 228 khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 của luật hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh số 10/2009/PL – UBTVQH ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Hồng Đ và anh Nguyễn Chí D. Về con chung: Giao cháu Huỳnh T cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu phân chia tài sản chung của chị Đ. Về phần nợ: Đình chỉ yêu cầu độc lập của anh N và chị D. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Huỳnh Hồng Đ phải chịu 200.000 đồng. Hoàn trả cho chị Đ 1.335.000 đồng, anh Nghiệm 200.000 đồng và chị D 3.400.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng các đương sự đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bà S, chị D, chị B, chị T, chị T, anh T, anh Đ, anh T1 có đơn xin vắng mặt; đối với anh D, anh N, chị P, anh G, anh D, chị P1, anh L vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Huỳnh Hồng Đ và anh Nguyễn Chí D kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Chị Đ có yêu cầu ly hôn, anh D đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình của Quốc hội quy định “*Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm... Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng*”. Do đó, khi xác lập mối quan hệ hôn nhân chị Đ và anh D không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Có hai người con chung tên Nguyễn Kiều T, sinh ngày 15/11/1996 và Nguyễn Huỳnh T, sinh ngày 03/5/2004. Khi ly hôn đối với Kiều T nay đã trưởng thành nên chị Đ và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với Huỳnh T chị Đ và anh D cùng có yêu cầu được nuôi con. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy chị Đ và anh D thống nhất trình

bày từ khi anh chị ly thân vào năm 2014 cho đến nay cháu Huỳnh T do chị Đ nuôi dưỡng ổn định và phát triển bình thường. Đồng thời tại “*Biên bản V/v ghi ý kiến của con chung*” ngày 19/6/2017 tại Tòa án cháu Huỳnh T có nguyện vọng xin được ở với mẹ là chị Huỳnh Hồng Đ là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ giao cháu Huỳnh T cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng chị Đ và anh D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Chị Đ và anh D trình bày thống nhất với nhau về tài sản chung gồm có: 01 căn nhà bằng cây gỗ địa phương và 01 cây nước tại ấp NN, xã TP, huyện ĐD, 01 căn nhà kê tọa lạc tại ấp TT, xã TT, huyện ĐD, 01 tivi, 03 giường ngủ, 01 tủ lạnh, 01 võ Composit, 01 mô tơ nước, 01 tủ áo, 01 tủ phê, 01 tủ đựng lò gas, 01 bếp gas, 01 bình gas.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án chị Đ rút lại yêu cầu phân chia tài sản chung do đó Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu phân chia tài sản chung của chị Đ.

Đối với anh D có yêu cầu phân chia $\frac{1}{2}$ các tài sản như: 01 nhà tại ấp TTùng, xã TT, 01 ti vi, 01 tủ lạnh, 03 giường ngủ, 01 Võ composit, 01 bếp gas và 01 bình gas. Quá trình giải quyết vụ án anh D thống nhất để lại các tài sản trên cho các con sử dụng nên không yêu phân chia. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra phân chia trong vụ án này. Trường hợp anh D có yêu cầu phân chia tài sản sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

Đối với các tài sản như: 01 mô tơ nước không nhớ hiệu gì anh D đã đập bỏ, 03 cái tủ cây quá trình chung sống đã bán để đóng hụi, 01 cây nước và 01 căn nhà ở ấp NN, xã TP, huyện ĐD hiện nay đã hư và đã bán nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản riêng*: Chị Đ khai anh D có mượn của chị 10 chỉ vàng 24k để trị bệnh cho mẹ chồng chị. Anh D không thừa nhận có mượn của chị Đ 10 chỉ vàng 24k. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Đ cũng rút lại không yêu cầu anh D phải trả cho chị 10 chỉ vàng 24k. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của chị Đ do đó Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của chị Đ về việc yêu cầu anh D trả lại cho chị Đ 10 chỉ vàng 24k.

[6] *Về nợ người khác*:

- Xét các phần nợ của những người có yêu cầu độc lập:

+ *Anh Nguyễn Chí N*: Anh N có yêu cầu độc lập. Tuy nhiên, anh N xác định phần đất 11.000m² hiện nay do anh quản lý sử dụng và đã được cấp quyền sử dụng do đó anh N cũng như những người thừa kế của ông T không yêu cầu chị Đ và anh D trả lại do đó Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu độc lập của anh N.

+ *Chị Nguyễn Ngọc D*: Chị D có yêu cầu đòi lại 85 chỉ vàng 24k, chị Đ và anh D đều xác định có nợ chị D 85 chỉ vàng 24k. Anh D đồng ý trả $\frac{1}{2}$ cho chị D, chị Đ không đồng ý vì cho rằng chị và anh D đã sang phần đất khoảng 6 công mà trước đó ông T là cha chồng đã cho anh chị để trừ nợ cho chị D. Tuy nhiên nay chị D không

yêu cầu chị Đ và anh D trả lại cho chị 85 chỉ vàng 24k nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu độc lập của chị D.

Anh N, chị D không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

+ *Phần nợ của chị Trương Cẩm T*: Chị T xác định phần nợ 5.000.000 đồng chị Đ đã trả cho chị xong nên chị không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

+ *Phần nợ anh Huỳnh Quốc T1*: Anh T1 không khởi kiện yêu cầu chị Đ, anh D trả lại anh T1 05 chỉ vàng 24k, 49 tấm tol, 350 cục gạch tàu, 04 cây xanh, 06 cây kèo, 05 cánh cửa và 25 chỉ vàng 24k do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

+ *Phần nợ của bà Lê Thị S và ông Huỳnh Thiện C*: Xét thấy bà S cũng như những người thừa kế của ông C không khởi kiện yêu cầu chị Đ, anh D trả lại 25 chỉ vàng 24k do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với các khoản nợ nêu trên trường hợp các đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] *Về phần người khác nợ lại*: Chị Đ và anh D xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 53, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Pháp lệnh số 10/2009/PL – UBTVQH ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ chị Huỳnh Hồng Đ và anh Nguyễn Chí D là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu Nguyễn Huỳnh T (nữ), sinh ngày 03/5/2004 cho chị Huỳnh Hồng Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Anh Nguyễn Chí D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phân chia tài sản chung của chị Huỳnh Hồng Đ gồm: 01 nhà kê tọa lạc tại ấp TT, xã TT, huyện ĐD, 01 tivi, 03 giường ngủ, 01 tủ lạnh, 01 võ Composit, 01 mô tơ nước, 01 bếp gas và bình gas.

4. Về tài sản riêng: Đình chỉ yêu cầu của chị Đ về việc yêu cầu anh D trả lại cho chị Đ 10 chỉ vàng 24k

5. Về phần nợ:

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của anh Huỳnh Chí N về việc yêu cầu chị Huỳnh Hồng Đ và anh Nguyễn Chí D trả lại cho anh N diện tích đất 6 công tóa lạc tại ấp NN, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Ngọc D về việc yêu cầu chị Huỳnh Hồng Đ và anh Nguyễn Chí D trả lại cho chị D 85 chỉ vàng 24k.

Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Hồng Đ phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), ngày 16 tháng 6 năm 2014 đã nộp 200.000 đồng tại biên lai số 07948 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được chuyển thu.

Trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho chị Đ đã nộp là 1.335.000đ (một triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 08061 ngày 26 tháng 8 năm 2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho anh Nguyễn Chí N đã nộp là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 08120 ngày 02 tháng 10 năm 2014 và chị Nguyễn Ngọc D đã nộp là 3.400.000đ (ba triệu bốn trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 08048 ngày 27 tháng 8 năm 2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Biện Thị Nhung